TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2018/DS-PT
Ngày: 15-10-2018
V/v Tranh chấp tiền lãi theo hợp đồng vay và mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Đình Quyến.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk*:** Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về *"Tranh chấp tiền lãi theo hợp đồng vay và mua bán tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện M'Đrăk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2018/QĐPT ngày 06/8/2018; Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số 133/2018/QĐ-PT ngày 06/9/2018 và Thông báo chuyển lịch phiên toà số 810/2018/TB-TA ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L - Địa chỉ tại: Thôn X, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. Bị đơn: ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị X - Cùng địa chỉ tại: Thôn X, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày*:**

Theo bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 07/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện M (gọi tắt là bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST) và bản án phúc thẩm số 04/2018/DS-PT ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (gọi tắt là bản án phúc thẩm số 04/2018/DS-PT) đã buộc vợ chồng ông C bà X phải trả

cho tôi 81.770.000đồng tiền nợ gốc. Tôi đã nhận đủ số tiền này, do vợ chồng ông C bà X tự nguyện thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông C bà X tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh từ việc mua hàng hóa và vay tiền của tôi về số tiền gốc 81.770.000 đồng, bao gồm các khoản tiền như sau:

Ngày 28/5/2010, bà X ký sổ nhận nợ tôi 7.200.000 đồng (tiền mua 01 tấn phân Urê).

Ngày 24/6/2010, bà X ký sổ nhận nợ tôi 4.570.000 đồng tiền mua hàng.

Bà X mua hàng và ký nợ với tôi 2 khoản tiền trên là 11.770.000 đồng, bà X không ghi ngày trả nợ và tiền lãi. Tuy nhiên, tôi bán hàng hóa cho bà X từ tháng 5 và tháng 6 năm 2010 đến ngày 08/01/2018 (Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử xét xử phúc thẩm) mà chưa trả tiền cho tôi. Nên vợ chồng ông C bà X phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh cho tôi.

Ngày 17/6/2010, bà X ký sổ vay của tôi 10.000.000 đồng.

Sáng ngày 16/8/2010, bà X ký sổ vay tôi 10.000.000 đồng. Chiều ngày 16/8/2010, ông C vay thêm tôi 50.000.000 đồng, lãi 5%/tháng và hẹn trả nợ cho tôi vào ngày 16/02/2011 (âm lịch).

Như vậy, số tiền 50.000.000 đồng mà ông C vay tôi là ghi thời hạn trả nợ và tiền lãi. Còn lại 20.000.000 đồng bà X vay tiền của tôi, bà X không ghi ngày trả tiền và tiền lãi. Tuy nhiên, tôi và bà X thỏa thuận lãi ngày 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày (tức là 9%/tháng), không thỏa thuận thời gian trả nhưng được hiểu là vay ngắn hạn.

Về số nợ tiền gốc nói trên, hàng năm vào khoảng tháng 4 (mùa thu hoạch mía), tôi đều yêu cầu vợ chồng ông C bà X trả nợ, nhưng vợ chồng ông C bà X không trả nợ cho tôi. Nên ngày 05 tháng 7 năm 2016 (đơn đề ngày 04/6/2016) tôi gửi đơn nhờ Ủy ban nhân dân xã K, huyện M giải quyết nhưng không được, tôi mới làm khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện M. Nay tôi yêu cầu vợ chồng ông C bà X phải có nghĩa vụ trả tiền lãi của những khoản tiền nêu trên kể từ ngày 18/6/2010 (ngày cuối cùng vợ chồng ông C bà X giao dịch vay tiền của tôi) đến ngày 08/01/2018 (ngày Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm), tôi chỉ tính là 88 tháng x 1%/tháng x 81.770.000 đồng = 71.957.600 đồng.

**** Bị đơn ông Bùi Văn C trình bày:***

Những khoản tiền vợ chồng tôi (Bùi Văn C, Nguyễn Thị X nợ bà L như bà L trình bày là đúng. Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm, vợ chồng tôi đã phải vay tiền của người khác để trả cho bà L 81.770.000 đồng. Khi bán hàng hóa cho vợ chồng tôi, bà L đã tính lãi trong đó. Do vậy, vợ chồng tôi không chấp nhận trả tiền lãi mua hàng cho bà L. Khoản tiền 20.000.000 đồng vợ tôi (bà X) vay của bà L vào ngày 17 tháng 6 và ngày 16 tháng 8 năm 2010 chỉ nói vay tạm vài ngày sẽ trả không tính lãi, nên vợ chồng tôi không có nghĩa vụ trả lãi cho bà L. Khoản tiền 50.000.000 đồng tôi vay bà L ngày 16/8/2010 có ghi thời hạn trả nợ vào ngày 16/02/2011 (âm lịch) và tiền lãi là 5%/tháng. Đến hạn trả nợ, vợ chồng tôi chưa có tiền trả cho bà L. Tôi đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện và căn cứ vào quy

định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L, vợ chồng tôi không chấp nhận mọi yêu cầu của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 27/4/2018 của Toà án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 220, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 428, Điều 438 và Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005; khoản 1, khoản 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L:

- Buộc vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị L 5.824.500 đồng (Năm triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng) tiền lãi theo hợp đồng vay và mua bán tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thỉ hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của so tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn C bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị L 66.133.100 đồng (Sáu mươi sáu triệu một trăm ba mươi ba ngàn một trăm đồng) tiền lãi theo hợp đồng vay và mua bán tài sản.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.307.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 1.799.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp, theo biên lai số AA/2016/0004614 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Bà Nguyễn Thị L tiếp tục còn phải nộp 1.508.000 đồng tiền án phí DSST.

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị X.

Ngoài ra bản án còn quyết định quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/5/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà X phải trả cho bà L tiền lãi của số tiền gốc 81.770.000 đồng theo lãi suất quá hạn của ngân hàng từ ngày 16/8/2010 đến ngày 21/5/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và nội dung khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên toà, xét thấy phía nguyên đơn không có đủ căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 27/4/2018 của Toà án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên toà, bị đơn ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị X vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà phúc thẩm lần 2 nên căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều xác nhận và đồng ý với Bản án phúc thẩm số 04/2018/DS-PT ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 81.770.000 đồng tiền nợ gốc, bao gồm tiền mua bán hàng hóa và tiền vay vào những thời điểm mà nguyên đơn trình bày, bị đơn thừa nhận và đã tự nguyện thi hành án xong.

Đồng thời, quá trình làm việc tại Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cũng thừa nhận trong số tiền nợ gốc 81.770.000 đồng, đối với số tiền nợ gốc 31.770.000 đồng các bên không thoả thuận lãi và ngày trả nợ, còn đối với số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng thì các bên xác định là hai bên thoả thuận rõ về lãi suất vay và thời hạn trả nợ.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, HĐXX thấy rằng:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thể hiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị L cho rằng vào khoảng tháng 4 hàng năm (vụ thu hoạch mía) nguyên đơn đều yêu cầu bị đơn trả tiền nêu trên nhưng lại không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh nên thời điểm được coi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 05/7/2016, là ngày nguyên đơn nộp đơn cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện M'Đrắk yêu cầu giải quyết sự tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Nên việc Toà án cấp sơ thẩm xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ dân sự từ ngày 05/7/2016 là có căn cứ.

Theo khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay đã quy định: *"...Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thoả thuận"*. Do vậy, việc Toà cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả 5.824.500 đồng (Năm triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng) là tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với nguyên đơn tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay đối với số tiền nợ gốc 31.770.000 đồng là có căn cứ.

Đối với số tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc, bị đơn ông C vay nguyên đơn bà L vào ngày 16/8/2010 và hẹn trả nợ vào ngày 16/2/2011 (âm lịch). Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Đến kỳ hạn trả nợ bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn nhưng đến ngày 05/7/2016 nguyên đơn mới yêu cầu cấp có thẩm quyền giải quyết thì đã quá thời hiệu khởi kiện (thời hiệu khởi kiện theo Điều 427 BLDS năm 2005 là 2 năm; thời hiệu khởi kiện theo Điều 429 BLDS năm 2015 là 3 năm). Nên, căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định *"...Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung"*. Tại bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST và bản án phúc thẩm số 04/2018/DS-PT đã buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng tiền gốc. Nay nguyên đơn lại tiếp tục yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 16/8/2010 đến ngày 08/01/2018 với lãi suất là 1%/tháng là không có cơ sở pháp lý để xem xét, chấp nhận. Nên việc Toà án cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp.

Từ những nhận định, đánh giá và phân tích trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L là không có cơ sở chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lnên bà L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/DSST ngày 27/4/2018 của Toà án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a Điều 35, Điều 39, Điều 85, Điều 86, Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 220, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 428, Điều 438 và Điều 474 Bộ Luật Dân sự 2005; khoản 1,

khoản 4 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L:

Buộc vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị L 5.824.500đồng (Năm triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng) tiền lãi theo hợp đồng vay và mua bán tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thỉ hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của so tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị L yêu cầu vợ chồng ông Bùi Văn C bà Nguyễn Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị L 66.133.100 đồng (Sáu mươi sáu triệu một trăm ba mươi ba ngàn một trăm đồng) tiền lãi theo hợp đồng vay và mua bán tài sản.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 3.307.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 1.799.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp, theo biên lai số AA/2016/0004614 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Bà Nguyễn Thị L tiếp tục còn phải nộp 1.508.000 đồng tiền án phí DSST.

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Bùi Văn C, bà Nguyễn Thị X.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA/2016/0004641 ngày 15/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-TAND huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- L hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Doãn Đình Quyến